TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày 12-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Bà Bế Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực I - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc uỷ quyền cho ông Nguyễn Đặng Quỳnh A – nhân viên công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S; địa chỉ: B G, phường Ô, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Khổng Hoài T

Nơi thường trú: tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng; hiện đang chấp hành án tại Trại giam P; địa chỉ: xã C, huyện P (nay là xã V), tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người đại diện thống nhất trình bày:

Ngày 06/6/2019 bà Vũ Khổng Hoài T và Ngân hàng TMCP S ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 51.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 129.727.475 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.191.121 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản), ngày 23/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản), tính đến ngày 12/02/2026 bà T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 58.275.826 đồng

Lãi quá hạn: 120.770.837 đồng

Tổng cộng: 179.046.663 đồng

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Toà án:

1. Buộc bà Vũ Khổng Hoài T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/02/2026 là 179.046.663 đồng

2. Bà Vũ Khổng Hoài T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 12/02/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3. Buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án và chi phí phát sinh liên quan.

Tại biên bản làm việc ngày 18/12/2025 bà Vũ Khổng Hoài T xác định có được ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S và xác định có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ngày 06/6/2019, Vũ Khổng Hoài T ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S, hạn mức tín dụng là 51.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 129.727.475 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.191.121 đồng, qua nhiều lần làm việc nhưng bà T không trả nợ nên đến ngày 23/5/2021 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Tính đến ngày 12/02/2026, số tiền bà T còn nợ là 179.046.663 đồng (trong đó: nợ gốc 58.275.826 đồng; nợ lãi quá hạn: 120.770.837 đồng). Mặc dù trong hợp đồng thể hiện lãi suất 33,2%/năm (2,76%/tháng), tuy nhiên qua tài liệu sao kê giao dịch và xác nhận của Ngân hàng, lãi suất thực tế áp dụng đối với bà T là 2,4%/tháng, phù hợp với biểu phí và quy định nội bộ của Ngân hàng tại thời điểm phát hành thẻ, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bà Vũ Khổng Hoài T (nơi cư trú tại thời điểm ký kết hợp đồng: nhà B, ngõ A X, X, quận B, thành phố Hà Nội) thanh toán số tiền vay phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã tiến hành thụ lý vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Vũ Khổng Hoài T, kết quả: bà Vũ Khổng Hoài T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, bà T đã từng có thời gian sinh sống tại địa chỉ số B, ngõ A X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội nhưng tại thời điểm lập biên bản xác minh bà T đã chuyển đi nơi khác sinh sống khoảng 03 năm nay. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng) để giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì có lý do chính đáng nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Xét hợp đồng tín dụng

Các đương sự thừa nhận giữa bà Vũ Khổng Hoài T và Ngân hàng TMCP S ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cung cấp thì bà T đã được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 51.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng phát sinh hiệu lực đối các bên giao kết.

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 129,727,475 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 97,191,121 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 23/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 58.275.826 đồng sang nợ quá hạn. Bà T xác định có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 58.275.826 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền lãi

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 58.275.826 đồng sang nợ quá hạn. Lãi quá hạn được áp dụng: 3.6%/tháng = 2.4%/tháng x 150% theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Bảng mô tả nội dung thay đổi ban hành kèm theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-VBLQ ngày 06/8/2019 của Tổng giám

đốc Ngân hàng TMCP S. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/02/2026) số tiền lãi quá hạn là 120.770.837 đồng. Bà T xác nhận có trách nhiệm trả toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Mặc dù trong hợp đồng thể hiện lãi suất 33,2%/năm (2,76%/tháng), tuy nhiên Ngân hàng chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất 2,4%/tháng đối với bà T là phù hợp với lãi suất theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-VBLQ ngày 06/8/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S, đồng thời không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất cho vay là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi quá hạn là 120.770.837 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.4]. Xét yêu cầu về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm.

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*".

Ngân hàng yêu cầu bà Vũ Khổng Hoài T có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh sau ngày 12/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định của Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu về trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Đối với yêu cầu buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, do các đương sự không có thoả thuận nên nghĩa vụ chịu án phí sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với phí thi hành án sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 274, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Vũ Khổng Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/02/2026):

Nợ gốc: 58.275.826 đồng

Lãi quá hạn: 120.770837 đồng

Tổng cộng số tiền bà Vũ Khổng Hoài T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S là 179.046.663 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tài thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Về án phí

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên được hoàn lại số tiền 3.260.000đ (*Ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) tạm ứng án đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075545 ngày 17/01/2025.

- Bà Vũ Khổng Hoài T phải chịu 8.952.000đ (*Tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- VKS khu vực 1 - Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền